

LƯỢC LUẬN VỀ NGHĨA AN LẠC TỊNH ĐỘ

Nguyên tác: Đại sư Thích Đàm Loan.

Viết dịch: Tì-kheo Thích Bửu Hà.

Hỏi: Nước An Lạc thuộc cõi nào trong ba cõi?

Đáp: Thích luận ghi: “Tịnh độ chẳng thuộc ba cõi. Vì sao? Vì không còn dục nên chẳng thuộc cõi Dục, vì sống trên đất nên chẳng thuộc cõi Sắc, vì có hình sắc nên chẳng thuộc cõi Vô sắc”.

Kinh ghi: “Đức Phật A-di-đà khi còn tu đạo bồ-tát, làm một vị tì-kheo tên là Pháp Tạng. Ngài đã thỉnh hỏi Phật Thế Tụ Tại Vương về hạnh Tịnh độ của chư Phật. Lúc đó, Đức Phật Thế Tụ Tại Vương giảng cho tì-kheo Pháp Tạng nghe về hai trăm mười ức cõi Phật, những việc thiện ác của trời người, cùng sự đẹp xấu của các quốc độ, tất cả đều giảng thuyết rõ ràng. Ngay lúc đó, tì-kheo Pháp Tạng đến trước Đức Phật, phát nguyện rộng lớn giữ lấy các cõi Phật. Vì thế, trong vô lượng a-tăng-kì kiếp, tì-kheo Pháp Tạng thực hành các ba-la-mật như đã phát nguyện, viên mãn muôn điều thiện, thành đạo Vô thượng. Do biệt nghiệp mà được, nên chẳng thuộc ba cõi”.

Hỏi: Nước An Lạc có mấy loại trang nghiêm mà được gọi là Tịnh độ?

Đáp: Nếu y cứ nghĩa kinh thì bốn mươi tám nguyện của tì-kheo Pháp Tạng là những loại trang nghiêm, tìm đọc sẽ biết, không cần phải nói lại. Nếu căn cứ luận *Vô Lượng Thọ* thì dùng hai loại thanh tịnh tóm thâu hai mươi chín loại trang nghiêm thành tựu. Hai loại thanh tịnh là khí thể gian thanh tịnh và chúng sinh thể gian thanh tịnh.

- Khí thể gian thanh tịnh: Khí thể gian thanh tịnh có mười bảy loại trang nghiêm thành tựu: Một, tướng quốc độ thù thắng, vượt trên ba cõi. Hai, quốc độ ấy rộng lớn như hư không, không có giới hạn. Ba, quốc độ do căn lành xuất thế chính đạo đại từ bi của bồ-tát hình thành. Bốn, thanh tịnh, trong sáng, tròn đầy và trang nghiêm. Năm, đầy đủ đặc tính của châu báu bậc nhất, sản sinh các vật báu kì diệu.

Sáu, ánh sáng thanh khiết thường chiếu thể gian. Bảy, các vật báu trong nước ấy rất mềm mại, chạm vào tâm liền vui thích, sinh niềm an lạc thù thắng. Tám, muôn nghìn hoa báu trang nghiêm ao hồ, điện báu và lầu gác báu đều làm bằng các loại gỗ quý, ánh sáng nhiều màu sắc ảnh hiện các thế giới, vô lượng lưới báu giăng khắp hư không, chung quanh đều treo chuông, thường phát ra âm thanh diệu pháp. Chín, trong hư không tự nhiên tuôn hoa trời, áo trời trang nghiêm, hương trời xông khắp. Mười, ánh sáng trí tuệ Phật chiếu soi diệt trừ si ám. Mười một, Phạm thanh[1] khai ngộ vang khắp, mười phương đều nghe rõ. Mười hai, Đức A-di-đà Vô Thượng Pháp Vương dùng sức tu thiện để giữ gìn. Mười ba, từ hoa thanh tịnh của Như Lai hóa sinh. Mười bốn, ưa thích hương vị Phật pháp, dùng thiền tam-muội[2] làm thức ăn, Mười lăm, lia hẳn các khổ của thân tâm, hưởng niềm vui không gián đoạn. Mười sáu, không bao giờ nghe đến danh từ Nhị thừa, người nữ, người thiếu căn. Mười bảy, những điều chúng sinh mong muốn đều có được đầy đủ và như ý. Mười bảy loại trang nghiêm này gọi là khí thể gian thanh tịnh.

- Chúng sinh thể gian thanh tịnh: Chúng sinh thể gian thanh tịnh có mười hai loại trang nghiêm thành tựu: Một, đài hoa diệu kỳ với vô lượng châu báu quý hiếm dùng làm tòa ngồi cho Phật. Hai, vô lượng tướng tốt và vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng trang nghiêm thân Phật. Ba, Đức Phật dùng vô lượng biện tài tùy căn cơ nói pháp, rõ ràng đầy đủ, khiến người thích nghe; người nghe rồi nhất định sẽ lĩnh ngộ, không nói lời hư dối. Bốn, trí tuệ chân như của Phật giống như hư không, soi sáng tổng tướng và biệt tướng của các pháp, tâm không phân biệt. Năm, chúng trời người bất động, rộng lớn trang nghiêm, giống như núi Tu-di ánh hiện bốn biển lớn, đầy đủ tướng pháp vương. Sáu, thành tựu quả Vô thượng, không ai có thể sánh bằng, huống gì là vượt hơn. Bảy, là bậc Trượng phu của trời người, Điều ngự sư có đại chúng cung kính vây quanh, như các sư tử vây quanh sư tử chúa. Tám, sức bản nguyện của Phật trang nghiêm, giữ vững các công đức; những ai gặp được sẽ không uổng phí, có thể giúp họ chóng đầy đủ biển tất cả công đức; nhưng bỏ-tát chưa được tịnh tâm thì cuối cùng được chứng Bình đẳng pháp thân[3]; bỏ-tát tịnh tâm và bỏ-tát thượng địa cuối cùng đồng tịch diệt bình đẳng. Chín, các chúng bỏ-tát trong nước An Lạc không động thân mà đi khắp mười phương, ứng hóa các loại thân hình, như thật tu hành, thường làm việc Phật. Mười, ứng hóa thân của bỏ-tát như vậy, đối với tất cả thời không trước, không sau; nhất tâm, nhất niệm phóng ánh sáng lớn, đến khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sinh, dùng tất cả phương tiện do tu hành thành tựu để diệt trừ tất cả khổ não của chúng sinh. Mười một, các bỏ-tát ấy ở khắp trong tất cả thế giới không sót, chiếu soi toàn bộ các hội lớn của

chư Phật; lại cúng dường, cung kính, ca ngợi vô lượng công đức của chư Phật Như Lai. Mười hai, ở những nơi không có Tam bảo trong tất cả thế giới, thì Bồ-tát trụ trì, trang nghiêm biển lớn công đức Phật-pháp-tăng, chỉ dạy cho tất cả chúng sinh hiểu rõ, như thật tu hành. Tám loại trang nghiêm công đức thành tựu của Pháp vương và bốn loại trang nghiêm công đức thành tựu của Bồ-tát, gọi là chúng sinh thế gian thanh tịnh.

Cõi nước An Lạc đầy đủ hai mươi chín loại trang nghiêm công đức thành tựu như vậy cho nên gọi là Tịnh độ.

Hỏi: Người sinh vào cõi An Lạc thì có mấy phẩm bậc và mấy nhân duyên?

Đáp: Trong kinh *Vô Lượng Thọ* chỉ nêu ba phẩm thượng, trung và hạ. Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* thì mỗi phẩm lại phân ra ba bậc thượng, trung và hạ, thành chín phẩm. Nay y cứ vào kinh *Vô Lượng Thọ* mà bàn, lại căn cứ vào ba phẩm mà kinh này lập để luận.

Người sinh phẩm thượng có năm nhân duyên: Một, xuất gia, lìa dục làm sa-môn; hai, phát tâm vô thượng Bồ-đề; ba, một mực chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ; bốn, huân tu các công đức; năm, nguyện sinh vào nước An Lạc. Nếu người nào đầy đủ năm nhân duyên này, thì khi lâm chung, Đức Phật Vô Lượng Thọ và đại thánh chúng hiện ra trước mắt, người đó liền theo Phật sinh đến nước An Lạc, tự nhiên hóa sinh từ trong hoa sen bảy báu, trụ ngôi Bất thoái chuyển, có trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại.

Người sinh phẩm trung có bảy nhân duyên: Một, phát tâm vô thượng Bồ-đề; hai, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ; ba, tu tập các điều thiện, vâng giữ trai giới; bốn, đúc tượng và xây tháp; năm, cúng dường thức ăn nước uống cho sa-môn; sáu, treo lụa, thắp đèn, dâng hoa, đốt hương cúng dường; bảy, đem những công đức này hồi hướng nguyện sinh về nước An Lạc. Người nào đầy đủ bảy nhân duyên này, thì lúc lâm chung Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân mình, đầy đủ ánh sáng và tướng hảo như Phật thật cùng với đại chúng hiện ra trước mắt, người đó lập tức theo hóa thân Phật sinh đến nước An Lạc, trụ ngôi Bất thoái chuyển, nhưng công đức trí tuệ kém hơn phẩm thượng.

Người sinh phẩm hạ có ba nhân duyên: Một, giả sử không có thể tạo công đức thì phải phát tâm vô thượng bồ-đề; hai, một mực chuyên tâm dù chỉ mười niệm niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ; ba, dùng tâm chí thành nguyện sinh nước An Lạc. Đầy đủ ba nhân duyên này, thì lúc lâm chung mộng thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, cũng được vãng sinh, nhưng công đức trí tuệ kém hơn phẩm trung.

Lại có một hạng vãng sinh nước An Lạc mà không thuộc ba phẩm trên. Đó là hạng người dùng tâm nghi ngờ mà tu tập các công đức nguyện sinh nước An Lạc. Họ nghi ngờ, không hiểu Phật trí, Bất tư nghị trí, Bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, nhưng vẫn còn tin tội phúc, tu tập căn lành, nên được sinh vào nước An Lạc. Lại khi được sinh vào cung điện bảy báu của nước An Lạc, hoặc một trăm do-tuần, hoặc năm trăm do-tuần, ở trong đó hưởng thụ các khoái lạc tự nhiên như cõi trời Đao-lợi. Nhưng trong năm trăm năm, họ không gặp Phật, không nghe kinh pháp, không thấy bồ-tát và thánh chúng thanh văn. Đây là biên địa của cõi An Lạc, cũng gọi là thai sinh. Nói biên địa, vì năm trăm năm không thấy nghe Tam bảo, theo nghĩa thì đồng với nạn biên địa, hoặc cũng ở biên giới nước An Lạc. Nói thai sinh, là giống như khi người vừa sinh ra từ thai, nhân pháp chưa thành. Biên địa là nói về nạn, thai sinh là nói về tối tăm. Hai tên gọi này đều là mượn điều này để nói kia thôi, chứ chẳng phải là biên địa trong tám nạn, cũng chẳng phải là thai sinh từ bào thai. Vì sao biết được? Vì nước An Lạc chỉ toàn là hóa sinh, cho nên biết chẳng phải thai sinh; vì năm trăm năm sau lại được thấy nghe Tam bảo, cho nên biết chẳng phải biên địa trong tám nạn.

Hỏi: Loài thai sinh ở trong cung điện bảy báu có được vui thích không? Nhớ nghĩ điều gì?

Đáp: Trong kinh ví dụ: “Giống như con của Chuyển luân thánh vương đắc tội với vua cha, bị giam vào hậu cung, dùng gông vàng khóa lại, cung cấp đầy đủ các thứ đồ dùng như vua, không thiếu gì. Lúc này, vương tử tuy có đầy đủ các món đồ chơi tốt đẹp, nhưng tâm vẫn không được vui, chỉ nghĩ tìm phương cách để thoát khỏi nơi buồn khổ này”. Loài thai sinh kia cũng như vậy, tuy ở trong cung điện bảy báu, có các thứ sắc đẹp, âm thanh hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc thích thú nhưng không cho đó là vui; chỉ vì không thấy Tam bảo, không được cúng dường, tu các căn lành, nên cho đó là khổ. Vì biết tội lỗi ngày trước của mình, nên lòng rất

hối hận tự trách, muốn lia nơi ấy, liền được như ý. Trường hợp này đồng với ba bậc vãng sinh, vì năm trăm năm sau mới biết sám hối tội lỗi.

Hỏi: Với tâm nghi hoặc vãng sinh cõi An Lạc thì gọi là thai sinh, nhưng vì sao sinh nghi?

Đáp: Trong kinh chỉ ghi “Nghi hoặc, không tin” chứ không nêu ra nguyên nhân khiến tâm nghi. Xét năm câu “Không thông đạt...” dùng để đối trị mà luận về điều đó. “Không thông Phật trí” tức là không tin có thể thông đạt nhất thiết chủng trí^[4] của Phật, vì không thông đạt nên sinh nghi. Câu đầu tiên này trình bày tổng quát chỗ nghi, bốn câu sau mỗi mỗi đối trị chỗ nghi. Nghi có bốn ý:

Một, nghi rằng chỉ nhớ niệm Đức Phật A-di-đà không chắc chắn được vãng sinh nước An Lạc. Vì sao? Kinh ghi: “Nghiệp đạo như cái cân, bên nào nặng thì kéo xuống trước”, nhưng tại sao sống một đời hoặc trăm năm, hoặc mười năm, hoặc một tháng, không việc ác nào không làm mà chỉ với mười niệm tương tục liền được vãng sinh, vào chính định tụ^[5], không bao giờ thoái lui, lia hẳn các khổ trong ba đường! Vậy thì nghĩa bên nào nặng liền kéo xuống trước làm sao tin được? Lại từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, đã gây tạo biết bao pháp phiền não trói buộc trong ba cõi, vì sao không đoạn kết hoặc trong ba cõi mà chỉ dùng ít thời niệm Phật A-di-đà thì liền ra khỏi ba cõi? Ý nghĩa nghiệp trói buộc sẽ như thế nào đây? Vì đối trị tâm nghi này cho nên nói Bất tư nghị trí.

Bất tư nghị trí là trí Phật có năng lực biến ít trở thành nhiều, nhiều thành ít; gần thành xa, xa thành gần; nhẹ thành nặng, nặng thành nhẹ, dài thành ngắn, ngắn thành dài. Trí Phật như vậy, vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Giống như trăm tiền phu đồn củi trong trăm năm, chất cao nghìn nhận^[6], nếu dùng đóm lửa bằng hạt đậu đốt thì nửa ngày là cháy hết. Như vậy đâu thể nói củi chứa trăm năm, trong nửa ngày cháy không hết!

Lại như người tàn tật đi nhờ thuyền, vì buồn thuận gió nên một ngày đi cả nghìn dặm. Như vậy đâu thể nói người tàn tật không thể một ngày đi được nghìn dặm! Như người nghèo khó, nhặt được vật quý, đem dâng cho vua. Vua được vật quý rất mừng, nên trọng thưởng cho người nghèo ấy. Trong phút chốc người nghèo ấy bỗng nhiên giàu có sung túc. Như vậy há có thể nói: “Ta mấy mươi năm làm quan, siêng năng gian khổ, còn không được gì mà quay trở về, người kia bỗng nhiên được giàu sang thì thật là vô lí!”, được sao?

Lại như người yếu, dùng hết sức mình vọt lên lưng con lừa không nổi, nhưng nếu đi theo Chuyển luân vương thì nương hư không bay đi tự nhiên. Như vậy đâu thể nói kẻ yếu sức nhảy lên lưng con lừa không nổi nhất định không thể bay trên hư không!

Lại như mười dây thừng rất lớn, nghìn người có sức mạnh không thể bứt đứt, nhưng đưa trẻ vung kiếm thì trong khoảng khắc đứt làm đôi. Như vậy đâu thể nói sức trẻ con không thể làm đứt nổi dây thừng! Lại như khi loài chim trắm[7] xuống nước thì cá cua... liền chết, nếu đem sừng tê giác khuấy vào bùn thì những con vật đã chết kia đều sống lại. Như vậy đâu được nói tính mạng một khi đã chấm dứt thì không thể sống lại! Như chim hoàng hộc[8] gọi Tử An[9], Tử An liền sống lại. Như vậy đâu được nói nghìn năm dưới mồ nhất định không thể sống lại!

Tất cả vạn pháp đều có tự lực và tha lực, tự nhiếp và tha nhiếp, nghìn mở vạn đóng, vô lượng vô biên, đâu thể đem sự hiểu biết có ngăn ngại để nghi ngờ pháp vô ngại kia.

Hai, nghi trí Phật không cao siêu hơn người. Vì sao? Vì tất cả danh tự đều từ đối đãi sinh, hiểu biết từ không hiểu biết sinh, lạc phương hướng từ chỗ ghi nhớ phương hướng mà sinh. Nếu mê hoàn toàn chẳng mê, thì mê rốt cuộc chẳng phải ngộ; nếu mê có thể ngộ, thì chần chẫn mê là ngộ, cũng có thể nói ngộ là mê. Mê-ngộ, ngộ-mê giống như lật bàn tay. Vậy đâu có thể cho sáng-tối khác nhau, cũng đâu có gì cao siêu? Do khởi nghi này nên sinh tâm nghi ngờ trí tuệ Phật. Để đối trị tâm nghi này, cho nên Phật nói Bất khả xưng trí.

Bất khả xưng trí là trí Phật bật đứt tên gọi, chẳng thuộc hình tướng đối đãi. Vì sao nói như thế? Nếu pháp đã có, thì nhất định phải có trí biết có; nếu pháp đã không, thì cũng phải có trí biết không. Các pháp lìa có-không, mà Phật thông đạt các pháp, nên trí dứt bật đối đãi. Ông dẫn ngộ-mê làm ví dụ thì vẫn chỉ là mê, chưa phải là mê-ngộ. Cũng như trong mộng giải mộng với người khác, tuy nói là giải mộng nhưng không phải là không có mộng. Vì nói biết Phật, tức không biết Phật; vì nói không biết Phật, thì cũng chẳng biết Phật; vì nói chẳng biết, chẳng phải không biết Phật, thì cũng chẳng biết Phật; vì nói chẳng phải chẳng biết, chẳng phải chẳng phải không biết thì cũng chẳng biết Phật”. Trí Phật lìa bốn câu này, duyên theo nó thì tâm hành diệt, chỉ cho biết thì ngôn ngữ đoạn. Vì nghĩa này cho nên Thích luận ghi: “Nếu người thấy bát-nhã, đó chính là bị trói buộc; nếu không thấy

bát-nhã, đó cũng là bị trói buộc. Nếu người thấy bát-nhã, đó chính là giải thoát; nếu không thấy bát-nhã, đó cũng là giải thoát”. Bài kệ này nói không lia bốn câu thì bị trói buộc, lia bốn câu thì được giải thoát. Ông nghi trí Phật không cao siêu hơn người thì không đúng tí nào!

Ba, nghi Phật thật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì đời quá khứ có vô lượng a-tăng-kì hằng-sa chư Phật; hiện tại cũng có vô lượng vô biên a-tăng-kì hằng-sa chư Phật trong thế giới khắp mười phương. Nếu Phật thật có thể độ tất cả chúng sinh, thì ba cõi đã phải không còn từ lâu. Phật thứ hai không cần vì chúng sinh, phát tâm bồ-đề, tu tập Tịnh độ, nhiếp thụ chúng sinh. Nhưng thật có Phật thứ hai nhiếp thụ chúng sinh, cho đến thật có vô lượng chư Phật trong mười phương ba đời nhiếp thụ chúng sinh. Vì thế nên biết Phật thật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì khởi nghi này nên khởi ý niệm Đức Phật A-di-đà có hạn lượng. Để đối trị nghi này nên nói Đại thừa quảng trí.

Đại thừa quảng trí là trí Phật biết tất cả pháp, đoạn sạch phiền não, đầy đủ muôn thiện, độ tất cả chúng sinh. Sở dĩ có ba đời, mười phương là có năm nghĩa: Một, nếu không có Phật thứ hai, cho đến không có a-tăng-kì hằng-sa chư Phật thì Phật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì thật có thể độ tất cả chúng sinh, nên có vô lượng chư Phật trong mười phương, vô lượng chư Phật tức là vô lượng chúng sinh đã được Phật trước cứu độ. Hai, nếu một Phật độ hết chúng sinh thì đã không cần có các Phật sau. Vì sao? Vì không có nghĩa giác tha, thì căn cứ nghĩa gì để nói có ba đời chư Phật? Vì căn cứ nghĩa giác tha, nên nói chư Phật đều độ tất cả chúng sinh. Ba, năng lực độ sinh của các Phật sau vẫn là năng lực của Phật trước. Vì sao? Vì Phật trước nên mới có Phật sau. Giống như dòng dõi đế vương, nối tiếp kế thừa, năng lực vua sau tức là năng lực của vua trước. Bốn, năng lực của Phật tuy có thể độ tất cả chúng sinh, nhưng cần phải có nhân duyên, nếu chúng sinh không có nhân duyên với Phật trước thì phải đợi Phật sau. Như vậy, chúng sinh không có duyên, dù trải qua trăm nghìn vạn Phật vẫn không nghe, không thấy, chứ chẳng phải do năng lực của Phật yếu kém. Giống như mặt trời, mặt trăng chiếu soi khắp thiên hạ, phá tan những tối tăm, nhưng người mù thì không thấy, chứ chẳng phải mặt trời, mặt trăng không sáng; tiếng sấm rền tai, nhưng người điếc thì không nghe, chứ chẳng phải âm thanh không chấn động. Thông đạt lí của các duyên thì gọi Phật. Nếu tâm cưỡng trái với lí duyên thì chẳng phải chính giác. Thế nên, chúng sinh vô lượng, Phật cũng vô lượng. Đã trái với Phật thì chớ hỏi có duyên, không duyên, vì

sao không độ hết chúng sinh, thì lời này thật vô lí. Năm, chúng sinh nếu tận thì thế gian liền rơi vào hữu biên. Vì nghĩa này, cho nên có vô lượng Phật độ tất cả chúng sinh.

Hỏi: Nếu chúng sinh không tận thì thế gian lại phải rơi vào vô biên. Vì vô biên, nên Phật thật không thể độ tất cả chúng sinh sao?

Đáp: Thế gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên..., là bốn phạm trù như vậy. Phật dạy chúng sinh là bốn câu này, đó chính là độ. Nhưng kì thật chẳng phải độ cũng chẳng phải không độ, chẳng phải tận cũng chẳng phải không tận. Giống như người nằm mộng thấy mình đang vượt biển lớn, gặp sóng to và các chướng nạn, người ấy sợ hãi kêu lớn, vang ra ngoài. Người bên ngoài nghe tiếng gọi giạt mình thức dậy, nhưng biết người kia nằm mộng, nên bình thản không lo lắng, chỉ là vượt mộng chứ không phải vượt biển.

Hỏi: Nói độ và không độ đều rơi vào biên kiến, vậy thì vì sao chỉ nói trí độ tất cả chúng sinh là Đại thừa quảng trí mà không nói là không độ chúng sinh là Đại thừa quảng trí?

Đáp: Vì chúng sinh đều chán khổ cầu vui, sợ trói buộc cầu giải thoát. Cho nên khi nghe độ thì nương về, nghe không độ thì không biết vì sao không độ, liền cho Phật không từ bi, nên không nương về. Vì không nương về, cho nên ngủ mãi trong mộng dài, không biết làm sao tỉnh thức. Phật vì những hạng người này mà thường nói nhiều về độ mà không nói đến không độ. Lại nữa, kinh *Chư Pháp Vô Hành* cũng có ghi: “Phật không chứng Phật đạo, cũng không độ chúng sinh; chỉ vì hàng phàm phu vọng phân biệt nói có thành Phật và độ chúng sinh”. Nói độ chúng sinh là đối trị tất-đàn[10]; không độ chúng sinh là đệ nhất nghĩa tất-đàn[11]. Hai lời nói này đều có nguyên do, không trái ngược nhau.

Hỏi: Nếu mộng dứt thì lẽ nào không phải là độ? Nếu tất cả chúng sinh đều dứt mộng thì thế gian lẽ nào không tận?

Đáp: Nói mộng là thế gian, nếu mộng dứt thì không còn mộng, không còn mộng thì cũng không nói đến độ. Như thế nên biết, thế gian tức là xuất thế gian, tuy độ vô lượng chúng sinh nhưng không rơi vào điên đảo.

Bốn, nghi Phật không được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì nếu có thể biết hết thấy các pháp thì các pháp rơi vào hữu biên; nếu không biết hết thấy các pháp thì chẳng phải Nhất thiết chủng trí. Để đối trị nghi này nên Phật nói Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí: Trí của phàm phu hư vọng, trí của Phật như thật, hư vọng và như thật khác nhau rất xa, theo lẽ không thể sánh ngang, cho nên nói là vô đẳng. Hàng thanh văn, bích-chi-phật muốn biết các pháp, phải vào định mới biết, rời khỏi định thì không biết, nhưng cũng chỉ biết giới hạn. Phật được tam-muội Như thật, thường ở trong thiền định sâu xa, nên biết rõ vạn pháp không hai, pháp ấy sâu xa vi diệu không gì sánh bằng, cho nên nói là vô luân. Bồ-tát Bát địa trở lên, tuy được dụng của tam-muội^[12] Báo sinh, không còn ra vào, nhưng tập khí nhẹ huân vào tam-muội, nên không được hoàn toàn thanh tịnh sáng suốt, nếu so sánh thì trí Phật vẫn ở trên. Phật đầy đủ trí-đoạn^[13], như pháp chiếu soi, pháp vô lượng nên chiếu cũng vô lượng. Giống như cái hộp lớn thì sức chứa cũng lớn, cho nên nói là tối thượng.

Ba câu này cũng có thể xoay vần bổ xung nhau, vì trí Phật không ai bằng cho nên vô luân, vì vô luân cho nên tối thượng thù thắng; cũng có thể nói vì trí Phật tối thượng thắng cho nên vô đẳng, vì vô đẳng cho nên vô luân. Vậy thì chỉ nói vô đẳng là đủ, đâu cần nói hai câu sau? Giống như trí của tu-đà-hoàn, tuy không bằng trí của a-la-hán, nhưng cùng một trí. Bồ-tát Sơ địa đến Thập địa cũng như vậy, trí tuy không ngang nhau, nhưng cùng một trí. Vì sao? Vì chẳng tối thượng. Ông dùng hữu biên-vô biên để gạn hỏi, để nghi Phật chẳng phải bậc Nhất thiết trí, thật là điều không đúng.

Hỏi: Trong phần sinh phẩm hạ có nói “Mười niệm tương tục liền được vãng sinh”. Thế nào là mười niệm tương tục?

Đáp: Giống như có người trên đường về nhà, đến đoạn đường hoang vắng thì gặp giặc cướp. Chúng vung đao dững mãnh, xông tới muốn giết. Người ấy chạy nhanh, khi gặp con sông, thì liền muốn vượt qua, nếu qua sông được thì tính mạng mới bảo toàn. Bấy giờ, người ấy chỉ nghĩ cách qua sông: “Nếu ta qua sông, thì nên mặc áo hay không mặc áo? Nếu vẫn mặc áo thì e rằng không qua được, nếu cởi áo ra thì sợ không kịp!”. Người ấy chỉ suy nghĩ như vậy, chứ không nghĩ gì khác. Chỉ

một ý niệm làm sao qua sông, chính là một niệm. Như thế cho đến mười niệm, tâm không tạp loạn, thì gọi là mười niệm tương tục. Hành giả cũng vậy, niệm Đức Phật A-di-đà, như người kia nghĩ cách qua sông, cho đến mười niệm: Như niệm danh hiệu của Phật, hoặc niệm tướng tốt và vẻ đẹp của Phật, hoặc niệm ánh sáng của Phật, hoặc niệm thần lực của Phật, hoặc niệm công đức của Phật, hoặc niệm trí tuệ của Phật, hoặc niệm bản nguyện của Phật. Như vậy không để cho niệm nào khác xen vào, tâm tâm nối tiếp nhau cho đến mười niệm, gọi là mười niệm tương tục.

Khi nói mười niệm tương tục thì dường như không khó. Nhưng tâm kẻ phàm phu như con ngựa hoang, thức như vượn khỉ luôn rong ruổi theo sáu trần, không một giây dừng nghỉ. Phải có lòng tin thật bền chắc, hiện tại chuyên niệm, lâu ngày tích tập thành tính, khiến cho căn lành vững chắc mới được. Như Đức Phật dạy vua Tần-bà-sa-la: “Người gom chứa hạnh lành thì khi chết không có niệm xấu. Như cây nghiêng về hướng tây, nhất định phải ngã theo hướng ấy”. Chứ một khi lâm chung, trăm khổ dồn vào thân, nếu tâm không huân tập trước thì làm sao mà niệm cho được.

Lại nên lập ước nguyện với năm hoặc ba người đồng tâm chí, để đến khi lâm chung thì luân phiên khai thị, xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, nguyện sinh nước An Lạc. Từng tiếng từng tiếng nối tiếp nhau sao cho thành mười niệm. Giống như con dấu bằng sáp ong in trên đất sét, con dấu sáp tuy hư hoại, nhưng trên đất đã in dấu; tức khi thân mạng này chấm dứt cũng chính là lúc sinh vào nước An Lạc. Một khi đã vào chính định tự thì còn gì phải lo nữa!

[1] Phạm thanh 梵聲: Âm thanh của Phật.

[2] Thiền tam-muội 禪三昧: Chỉ thiền-na và tam-muội. Thiền-na, Phạm: Dhyàna, Hán dịch: Tư duy, tu tập. Tam-muội, Phạm: Samàdhi, Hán dịch: Định. Thiền-na và tam-muội là cùng một thể mà khác tên.

[3] Bình đẳng pháp thân 平等法身: Chỉ cho Tự tính pháp thân. Tức các Bồ tát từ địa vị thứ tám trở lên đã chứng được chân như bình đẳng tịch diệt, nhậm vận tự nhiên, tuy không cần gia công dụng hạnh, nhưng cũng có thể đồng thời thị hiện các loại giáo hóa, làm các Phật sự trong khắp mười phương thế giới, mà không có ý tưởng đi lại, cũng không có ý tưởng tạo tác, cho nên gọi là Bình đẳng pháp thân.

[4] Nhất thiết chủng trí 一切種智: Trí tuệ này chỉ có đức Phật chứng được. Tức là dùng 1 loại trí tuệ mà biết được nhân chủng của tất cả các pháp và tất cả chúng sinh, đồng thời cũng là trí rõ suốt tướng vắng lặng và hành loại của các pháp.

[5] Chính định tụ 正定聚: Chỉ người chắc chắn được chứng ngộ trong số chúng sinh.

[6] Nhận 仞: Đơn vị đo chiều dài, đời Chu 8 thước là một nhận, khoảng 6, 48m bây giờ.

[7] Chim trộm 鳩鳥: Một loài chim rất độc. Ngày xưa bảo lấy cánh nó khuấy vào rượu uống thì chết ngay.

[8] Hoàng học 黃鵠: Tên một loài chim bay rất cao, cổ dài; còn gọi là thiên nga.

[9] Tử An 子安: tiên nhân trong truyền thuyết của Trung Hoa.

[10] Đối trị tất-đàn 對治悉檀: Phương pháp tùy bệnh cho thuốc mà Đức Phật dùng để đối trị phiền não ác nghiệp của mỗi chúng sinh.

[11] Đệ nhất nghĩa tất-đàn 第一義悉檀: Phương pháp dùng để phá trừ tất cả sự biện luận, vượt ra ngoài lời nói.

[12] Báo sinh tam-muội 報生三昧: Tam-muội mà pháp thân Bồ tát từ địa thứ tám trở lên có được. Sau khi vào tam-muội này, tâm tự nhiên trở thành vô công dụng, có khả năng nhậm vận vô tác mà thị hiện các loại thân để tế độ chúng sinh hoặc cúng dường Phật.

[13] trí đoạn 智、斷: Trí đức và đoạn đức làm sáng tỏ chân lý và đoạn diệt phiền não.